

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST
Ngày 04-9-2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Duy Thâm;

Ông Võ Văn Hoa Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Đại Phụng – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 272/2024/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1997; nơi cư trú: Tổ I, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ D, ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 6 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị N sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, nhưng sau đó vợ có mâu thuẫn, nguyên nhân không hợp tính tình, quan điểm sống nên thường xuyên gây gổ, cãi vã với nhau, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng không thể hàn gắn được,

hiện vợ chồng đã sống ly thân cách nay gần 01 năm. Do đó, nay anh nhận thấy không còn tình cảm với chị N nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 29-6-2017 và Nguyễn Văn K, sinh ngày 13-12-2018, hiện nay đang sống chung nhà với anh. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng nuôi 02 con chung không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về điều kiện nuôi con: Anh làm công nhân cho Công ty tại xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh, mỗi tháng bình quân 10.000.000 đồng, các con từ nhỏ đến nay sống chung nhà với anh cùng ba mẹ anh ổn định, nhà anh gần T Tiểu học Thạnh Đông A và anh đã đăng ký cho các đi học tại trường này, chị N hiện nay cũng đang làm công nhân cho Công ty tại xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị N có ý kiến đối với yêu cầu của anh D:

Chị và anh Nguyễn Văn D sống chung với nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, vào ngày 20-7-2017, hôn nhân là tự nguyện.

Trong thời gian sống chung giữa vợ chồng có mâu thuẫn nguyên nhân do chị bắt gặp thấy anh D có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên vợ chồng gây gổ và đã ly thân cách nay được khoảng 01 năm. Nay anh D yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 29-6-2017 và Nguyễn Văn K, sinh ngày 13-12-2018, hiện đang sống chung nhà với anh D, sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 13-12-2018 giao cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 29-6-2017 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về điều kiện nuôi con: Hiện nay chị đang làm công nhân cho Công ty tại xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh, mỗi tháng bình quân 10.000.000 đồng, nếu chị nuôi con thì hàng ngày mẹ chị giữ, chị đi làm về chiều nên chị có đủ điều kiện nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy giữa anh D và chị N đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến ly thân từ năm 2023 cho đến nay không thể hàn gắn được nên anh D yêu cầu ly hôn và chị N đồng ý nên cần ghi nhận.

- Về nuôi con chung: Anh D và chị N có 02 người con chung tên Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 29-6-2017 và Nguyễn Văn K, sinh ngày 13-12-2018, hiện đang sống chung nhà với anh D. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh D có nguyện vọng nuôi 02 con chung, chị N có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 13-12-2018 giao cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 29-6-2017 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, anh D và chị N đều là công nhân, có thu nhập bình quân mỗi tháng tương đương nhau. Do đó để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của các cháu cần giao con chung tên Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 29-6-2017 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung tên Nguyễn Văn K, sinh ngày 13-12-2018 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận anh D, chị N không yêu cầu giải quyết.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử theo hướng:

- Cho ly hôn ly hôn giữa anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị N.

- Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 29-6-2017 cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao con chung tên Nguyễn Văn K, sinh ngày 13-12-2018 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh D, chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận anh D, chị N không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị N chung sống với từ năm 2016, hôn nhân giữa anh, chị là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh D thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị N thừa nhận có mâu thuẫn với anh D, nguyên nhân do anh D ngoại tình, vợ chồng đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Anh D yêu cầu ly hôn, chị N đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2] Về nuôi con chung: Anh D và chị N có 02 người con tên Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 29-6-2017 và Nguyễn Văn K, sinh ngày 13-12-2018, hiện đang sống chung với anh D. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh D có nguyện vọng nuôi 02 con chung, chị N có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 13-12-2018 giao cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 29-6-2017 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị N đều đi làm công nhân, có mức thu nhập bình quân tương đương nhau và theo nguyện vọng của các cháu muốn sống chung chị N. Do đó để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của các con chung cũng như điều kiện nuôi con của anh, chị nên cần giao cháu Đ cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và giao cháu K cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận anh D, chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận anh D, chị N không yêu cầu giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn D phải chịu 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng và chị Nguyễn Thị N 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị N.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 29-6-2017 cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và giao con chung tên Nguyễn Văn K, sinh ngày 13-12-2018 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận anh D, chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị N, anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận anh D, chị N không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn D phải chịu 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006349, ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; anh D được nhận lại số tiền chênh lệch 225.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị N 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT-NV);
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- UBND xã Thạnh Đông;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thanh Quốc